

Việt Nam sau 40 năm đổi mới – thành tựu và những thách thức

31/07/2025

TS. Vũ Văn Long

Học viện Chính trị – Bộ Quốc phòng

TS. Chữ Văn Tuyên

Đại học Thành Đô

(Quanlynhanuoc.vn) – Đối với mỗi quốc gia, dân tộc, việc xác định tiềm lực của mình mạnh yếu thế nào, định vị được vị trí mình đang ở đâu là vấn đề có ý nghĩa quyết định trong đề ra quyết sách, đưa đất nước phát triển đi lên. Trả lời chính xác câu hỏi: “Việt Nam đang ở đâu?” sau gần 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng góp phần khẳng định cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước, tạo tiền đề và niềm tin vững chắc cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam; đây cũng là cơ sở để chúng ta đánh giá khách quan những hạn chế, tồn tại để tháo gỡ, giải quyết.

Từ khóa: Việt Nam, đổi mới, tiềm lực, thành tựu, kỷ nguyên vươn mình.

1. Đặt vấn đề

Phát biểu tại buổi làm việc với Thường trực các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng và Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm đổi mới cho ý kiến về những chủ trương lớn vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV (ngày 27/2/2025), Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “Phải đánh giá thật khách quan để định vị rõ chúng ta đang ở đâu, trình độ phát triển đang ở mức độ nào, có những giải pháp đúng để triển khai, không tô hồng thành tích nhưng cũng không bi quan chỉ thấy được tồn tại, hạn chế mà không đánh giá đúng thành tích, kết quả toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được”¹.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh: có những quốc gia dân tộc, do nhận định không chính xác vị trí, tiềm lực của mình, chủ quan, duy ý chí, xác định mục tiêu không phù hợp, dẫn tới khó khăn, khủng hoảng, thậm chí sụp đổ. Bên cạnh đó, lại có những quốc gia, các nhà lãnh đạo đất nước không thấy được tiềm lực, sức mạnh của quốc gia, dân tộc mình, không thấy được thời cơ và vận hội, mãi bảo thủ, trì trệ, dẫn đến đất nước chậm phát triển, không vượt qua được giới hạn đất nước và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Chính vì vậy, việc trả lời chính xác câu hỏi: “Việt Nam đang ở đâu” sau 40 năm đổi mới là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ khẳng định cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của đất nước, tạo niềm tin vững chắc để toàn dân tộc bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, mà còn là cơ sở để chúng ta đánh giá khách quan, thẳng thắn những hạn chế, tồn tại để tháo gỡ, giải quyết nhằm đưa đất nước phát triển.

2. Cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam sau 40 năm đổi mới

Nhìn lại lịch sử gần 40 năm đổi mới, những người Việt Nam yêu nước và cộng đồng quốc tế đều thống nhất với nhau rằng: Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đến nay

đã thu được “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”². Những thành tựu đó đã tạo ra thế mới, lực mới cho cách mạng Việt Nam, nâng tầm trí tuệ, bản lĩnh chính trị của Đảng, đưa cách mạng Việt Nam, dân tộc Việt Nam lên tầm thời đại, được nhân dân phấn khởi, bạn bè thế giới tôn trọng và khâm phục. Trong bài viết “*Rạng rỡ Việt Nam*” nhân dịp kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 – 03/02/2025), Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định: “Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã vượt qua mọi khó khăn, vươn tới những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”³.

Thế nhưng, khi đánh giá về những thành tựu sau gần 40 năm đổi mới, có những người tự nhân danh “nhà khoa học”, “nhà sử học” lại không thống nhất như vậy. Họ cho rằng: Đảng ta quá cảm tính; phải thấy rằng sau 40 năm đổi mới, Việt Nam vẫn là một nước chậm phát triển và lạc hậu. Theo họ, bốn mươi năm để Nhật Bản trở thành một siêu cường; bốn mươi năm để Singapore, Hàn Quốc... trở thành một nước công nghiệp mới, trở thành những “con rồng châu Á”. Vậy gần 40 năm qua Việt Nam đạt được những gì? Họ đặt câu hỏi và tự trả lời: Việt Nam vẫn nằm trong danh sách các nước đang phát triển; thu nhập bình quân theo đầu người thấp hơn nhiều nước ở trong khu vực và thế giới; đời sống của nhân dân vẫn thấp, xuất hiện nhiều tiêu cực xã hội...

Nghiên cứu lịch sử cần phải thật sự khách quan, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển. Không thể so sánh nền kinh tế Việt Nam với điểm xuất phát thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề với kinh tế các nước tư bản phát triển lâu đời hàng trăm năm, để từ đó kết luận rằng, thành tựu gần 40 năm đổi mới vừa qua chỉ là “con số 0 tương đối”, để từ đó phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự cố gắng của cả dân tộc nhằm tìm kiếm con đường phát triển đất nước theo chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản không phải là giải pháp có triển vọng đối với sự phát triển của các nước lạc hậu và phụ thuộc sau khi giành được độc lập dân tộc. Thực tế thế giới đã chứng minh, trừ một số rất ít quốc gia có hoàn cảnh đặc biệt đi theo con đường tư bản chủ nghĩa đã đạt được thành tựu đáng kể về phát triển kinh tế. Tuy nhiên, còn rất nhiều quốc gia khác đi theo con đường này, tuy không phải trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt như đất nước ta, nhưng vẫn đang là những nước nghèo, đời sống của đa số người dân còn rất khó khăn. Mặc khác, khi đánh giá thành tựu của Việt Nam sau gần 40 năm đổi mới, định vị đất nước đang ở đâu và trình độ nào, chúng ta cần phải có cái nhìn toàn diện và tổng thể trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Đảng tiến hành đổi mới trong điều kiện cực kỳ khó khăn với nhiều diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và thế giới. Nhưng gần 40 năm sau, Việt Nam vẫn vững vàng trước những biến động to lớn của thời cuộc. Qua gần 40 năm đổi mới, nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ. Tình hình chính trị – xã hội trong nước ổn định, không có nhiều biến động như nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ được hình thành, vận hành thông suốt và phát huy được hiệu quả tốt. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng, tổ chức bộ máy nhà nước đang được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn. Mối quan hệ giữa

Đảng với Nhân dân được củng cố và phát huy. Niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới được củng cố và tăng cường.

Sau gần 40 năm đổi mới toàn diện, thành tựu trên lĩnh vực kinh tế được coi là một kỳ tích, một thành công nổi bật của Đảng và Nhân dân ta. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nền kinh tế Việt Nam, là sự đột phá về lý luận và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hằng năm phải nhập khẩu lương thực, đến hết năm 2024, quy mô GDP của nước ta đạt 470 tỷ USD, tăng gấp 96 lần năm 1986, gấp 2,5 lần năm 2011, đứng thứ 4 trong ASEAN, đứng thứ 32 thế giới (đứng thứ 24 thế giới tính theo sức mua tương đương – PPP). Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 4.700 USD/người/năm⁴. Dự kiến đến cuối năm 2025, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vượt 5000 USD/người/năm, gấp gần 25 lần sau ba thập kỷ và sẽ bước vào nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao⁵. Cơ cấu nền kinh tế đã và đang được chuyển dịch theo hướng hiện đại, bền vững, giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng đóng góp của ngành công nghiệp và dịch vụ. Từ một nước bị bao vây, cấm vận trước đổi mới, đến nay, chúng ta đã phát triển quan hệ thương mại với hơn 230 nền kinh tế trên thế giới với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2024 đạt gần 800 tỷ USD, trong đó xuất siêu đạt khoảng 23 tỷ USD, đã trở thành đối tác thương mại thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu⁶.

Từ một nước thiếu ăn, phải nhập khẩu lương thực, hiện nay, nông nghiệp Việt Nam không chỉ đáp ứng nhu cầu về lương thực cho hơn 100 triệu người, mà còn trở thành một trong ba nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới; nhiều nông sản của Việt Nam xuất hiện ngày càng rộng khắp trên thị trường thế giới, khẳng định được thương hiệu quốc gia. Sau gần 40 năm đổi mới, mở cửa, Việt Nam đã thu hút hơn 520 tỷ USD vốn FDI đăng ký; trong đó, có hơn 36.000 dự án đang hoạt động, với tổng số vốn khoảng 450 tỷ USD (đã giải ngân hơn 250 tỷ USD). Theo Hội nghị Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN và trong nhóm 15 nước đang phát triển thu hút nguồn vốn FDI lớn nhất thế giới⁷. Thành tựu phát triển kinh tế của Việt Nam được các tổ chức kinh tế quốc tế đánh giá cao. Ngân hàng Thế giới (WB) coi Việt Nam là một câu chuyện thành công về quá trình phát triển. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) gọi Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất kể từ năm 1990 đến nay. Hãng tin Bloomberg cho rằng Việt Nam có tiềm năng để trở thành “con hổ châu Á”.

Trong suốt quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới gần 40 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, nhằm mục tiêu phát triển vì con người, hướng tới con người. Những thành tựu của sự nghiệp đổi mới trên lĩnh vực kinh tế đã không ngừng tăng cường điều kiện phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân và nâng cao chất lượng bảo đảm an sinh xã hội. Theo đó, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam giảm từ 58% theo chuẩn cũ năm 1993 xuống còn khoảng 1,93% theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024⁸. Đến năm 2024, chỉ số hạnh phúc của Việt Nam xếp thứ 54/143 nước được đánh giá. Nhà nước và cộng đồng xã hội đã hỗ trợ kịp thời nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm cuộc sống theo đúng tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

Giáo dục Việt Nam có nhiều phát triển vượt bậc và đạt được những thành tựu quan trọng, đã hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung

học cơ sở năm 2014; gần 99% người lớn biết đọc, biết viết. Số sinh viên đại học, cao đẳng ở Việt Nam tăng gần 20 lần trong gần 40 năm qua, đạt 215 người/1 vạn dân. Học sinh Việt Nam đạt thứ hạng cao trong các cuộc thi trên thế giới và khu vực. Đời sống văn hóa trong cả nước được cải thiện đáng kể. Sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú và đa dạng. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn, phát huy trong giáo dục con người và phát triển kinh tế du lịch.

Từ một đất nước có chất lượng y tế thấp, chất lượng khám, chữa bệnh và các dịch vụ y tế của Việt Nam không ngừng được nâng lên; 94,1% dân số có bảo hiểm y tế; trong đó, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người từ đủ 80 tuổi trở lên được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Trình độ của y tế Việt Nam có những lĩnh vực đạt tầm quốc tế. Tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 74,6 tuổi năm 2023. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,726 (xếp thứ 107 trong tổng số 193 quốc gia được xếp hạng), là mức HDI cao trong nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm nước đi đầu trong việc thực hiện các *mục tiêu thiên niên kỷ* của Liên hiệp quốc.

Chặng đường gần 40 đổi mới chứng kiến sự chuyển biến và phát triển mạnh mẽ của hoạt động đối ngoại. Việt Nam có thêm thế và lực mới trong một thế giới đầy biến động và phức tạp. Năm 1986, Việt Nam đổi mới toàn diện. Cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu khủng hoảng rồi sụp đổ, đòi hỏi Đảng phải ban hành chủ trương, giải pháp mới về công tác đối ngoại. Nghị quyết số 13/NQ-TW, ngày 20/5/1988, của Bộ Chính trị, thể hiện bước chuyển mang tính bước ngoặt trong tư duy đối ngoại và đặt nền móng cho chủ trương “đa phương hóa, đa dạng hóa” của Đảng, Nhà nước Việt Nam, đã bắt đầu một trang mới trong lịch sử ngoại giao nước nhà. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước quốc tế, thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước (trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 12 nước đối tác chiến lược toàn diện). Đặc biệt, nước ta đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 4/5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc (nước còn lại là đối tác chiến lược), có quan hệ kinh tế – thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đó là kết quả nổi bật của đường lối đối ngoại, ngoại giao độc lập, tự chủ, toàn diện, giữ vững nguyên tắc chiến lược nhưng hết sức linh hoạt, mềm dẻo về sách lược mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”.

Qua gần 40 năm đổi mới, nhận thức, tư duy lý luận của Đảng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có sự phát triển và ngày càng được hoàn thiện, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ được Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia – dân tộc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân đạt kết quả tích cực; lực lượng vũ trang nhân dân không ngừng lớn mạnh, đủ sức hoàn thành thành mọi nhiệm vụ.

Có thể khẳng định rằng, sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã có một cơ đồ to đẹp, đàng hoàng. Tiềm lực chính trị – tinh thần, tiềm lực kinh tế – xã hội, tiềm lực khoa học – công nghệ, tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước được tăng cường mạnh mẽ. Uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng lên tầm cao

mới. Những yếu tố nêu trên là điều kiện, tiền đề có ý nghĩa quyết định, làm cơ sở cho đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

3. “Nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” những khó khăn, thách thức trước kỷ nguyên vươn mình

Bên cạnh những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử sau gần 40 năm đổi mới, việc thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, tồn tại, những khó khăn và thách thức của đất nước phải đối mặt khi bước vào kỷ nguyên mới là vấn đề quan trọng để chúng ta định vị thật chính xác, khách quan vị trí của Việt Nam đang ở đâu, mức độ nào trong khu vực và thế giới. Nếu như 40 năm trước, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng đã “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” để quyết định sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, thì hiện nay, tinh thần khách quan đó cần phải được quán triệt và phát huy để chúng ta có thêm quyết tâm, cơ sở bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Sau gần 40 năm, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế; một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng còn thiếu tính khả thi. Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập. Hệ thống pháp luật của chúng ta còn có nhiều quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa theo kịp với sự phát triển kinh tế – xã hội và chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế. Đặc biệt, cơ chế, chính sách, pháp luật chưa tạo dựng được môi trường thực sự thuận lợi để thúc đẩy đổi mới và sáng tạo, chưa tạo được động lực để thu hút nguồn lực của cả trong và ngoài nước. Thể chế thực sự là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn” làm cản trở, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả còn nhiều bất cập; một bộ phận còn chồng chéo, chồng lấn giữa lập pháp và hành pháp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin, cho, dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Công tác tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn thiếu triệt để.

Nguy cơ tụt hậu về kinh tế được Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khoá VII) (01/1994) của Đảng đến nay vẫn còn hiện hữu, đặc biệt là nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình (thu nhập bình quân đầu người không vượt qua mức 12.000 USD/người/năm – tính theo giá trị tiền tệ năm 2010). Thực tiễn thế giới đã chứng minh, từ năm 1945 đến nay, hàng trăm quốc gia đã thoát nghèo để bước vào nhóm thu nhập trung bình, nhưng rất ít quốc gia vượt qua được bẫy thu nhập trung bình cao để “hóa rồng”, “hóa hổ” như các nước NIC (New Industrialized Countries). Do vậy, nếu giữ nguyên tốc độ tăng trưởng như hiện nay, Việt Nam sẽ không thể thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình như rất nhiều quốc gia đã mắc phải.

Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam giảm dần, thấp hơn nhiều nước trong khu vực (giai đoạn 2021 – 2025 ước đạt 4,8%, thấp hơn so với bình quân 3 năm 2016 – 2018 (6,1%). Năng suất các nhân tố tổng hợp (Total Factor Productivity – TFP), yếu tố quan trọng trong chất lượng tăng trưởng cũng có xu hướng giảm (giai đoạn 2015 – 2019 đạt 2,77%, năm 2022 là -1,36%, năm 2023 là -2%). Tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu phụ thuộc vào xuất khẩu, trong đó doanh nghiệp khối FDI chiếm trên 70% (tương đương 60% GDP). Điều đáng nói là

các doanh nghiệp này nhập khẩu trên 80% linh kiện, thiết bị, trong khi chỉ sử dụng những tư liệu sản xuất giản đơn của Việt Nam (như lao động, đất đai, nguyên vật liệu cơ bản). Các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế chưa được phát huy hiệu quả. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn còn là “điểm nghẽn” cản tháo gỡ; năng suất lao động, động lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước giảm sút. Nguồn vật lực, nguồn tài lực của đất nước còn lãng phí và chưa được khai thông hiệu quả: lãng phí trong sử dụng đất đai; khoáng sản; thiếu đồng bộ trong quy hoạch, phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng; thị trường tài chính, tiền tệ thiếu bền vững khi lượng vốn lớn bị đóng băng vào bất động sản...

Những biểu hiện “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” vẫn đã, đang và sẽ là một trong những nguy cơ mà đất nước phải đối mặt. Sau hơn 30 năm nhìn lại quá trình khủng hoảng, sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, chúng ta càng thấy nhận định của Đảng Cộng sản Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn. Nguyên nhân chủ quan, bên trong là chủ yếu và trực tiếp; sự chống phá của đế quốc và các thế lực thù địch chỉ là giọt nước tràn ly. Bài học đó chắc chắn chưa mất đi ý nghĩa cảnh báo cho ngày nay. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp thật sự là những thách thức rất lớn đối với Đảng ta, đất nước ta, dân tộc ta trước ngưỡng cửa vươn mình.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên đã, đang và sẽ là lực cản, kìm hãm sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, đòi hỏi phải được nhận thức và tháo gỡ để Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong kỷ nguyên mới. Do vậy, trong thời gian tới, chúng ta phải thực hiện tốt các định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: *một là*, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; *hai là*, tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; *ba là*, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, coi đây là yếu tố quyết định để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp; *bốn là*, đột phá mạnh mẽ hơn nữa về thể chế phát triển, tháo gỡ “điểm nghẽn”, rào cản, thật sự lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, huy động, khơi thông mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài, phát huy vai trò động lực quan trọng nhất của kinh tế tư nhân; *năm là*, phải tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chiến lược có đủ phẩm chất và năng lực đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đây là những giải pháp thật sự cấp thiết, đòi hỏi quyết tâm chính trị rất cao, sự đoàn kết, nhất trí của toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân, để mọi người dân Việt Nam – trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh trong kỷ nguyên mới.

4. Kết luận

Chúng ta có quyền tự hào khi khẳng định: qua gần 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế lớn như hiện nay. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn đó, chúng ta vẫn có những khó khăn, thách thức trước ngưỡng cửa

vươn mình. Trước mắt chúng ta có cả thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức, đòi hỏi các cấp bộ Đảng từ Trung ương đến cơ sở cần phải thật khách quan, thẳng thắn, thực sự “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” để định vị đúng vị trí của đất nước trong dòng chảy của thời đại, nắm bắt thời cơ, vận hội, vượt qua khó khăn, thách thức đưa đất nước phát triển đi lên. Chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng, Đảng sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc trọng trách của mình, đưa Việt Nam trở thành một đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chú thích:

1. Tổng Bí thư Tô Lâm chủ trì họp Thường trực các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng. <https://daibieunhandan.vn/tong-bi-thu-to-lam-chu-tri-hop-thuong-truc-cac-tieu-ban-chuan-bi-dai-hoi-xiv-cua-dang-10360589.html>, ngày 27/02/2025.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 103.
3. Tổng Bí thư Tô Lâm (2025). *Rạng rỡ Việt Nam. Tạp chí Cộng sản*, số 1055, tháng 02/2025, tr. 5.
- 4, 6, 8. Cơ quan Thống kê Quốc gia (2025). *Một số điểm sáng tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2024*. <https://www.gso.gov.vn>.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*. Hà Nội, tr. 12.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Dự thảo Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2021 – 2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026 – 2030*. Hà Nội, tr. 3.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Nguyễn Phú Trọng (2023). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*. https://www.tapchicongsan.org.vn/media.story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie.
4. *Cơ sở vững chắc cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*. https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/co-so-vung-chac-cho-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam.